

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Yến.
- Ông Lưu Xuân Vĩnh .

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 13/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định thay đổi Thư ký số 06/2025/QĐ-CA ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1988 (Căn cước công dân số 060188003712 cấp ngày 01/5/2021).

Nơi cư trú: Số D, đường số B, quốc lộ E, xóm E, thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Linh Q, sinh năm 1985 (Căn cước công dân số 080085008814 cấp ngày 21/9/2022).

Hộ khẩu thường trú: Số B, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Nơi cư trú: Số D, đường số B, quốc lộ E, xóm E, thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Thu T trình bày: Bà và ông Nguyễn Linh Q tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 29/12/2006, đăng ký kết hôn số 59, quyển số 01/2006. Quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ngoài ra, ông Q còn đánh đập bà. Ông bà đã ly thân khoảng 5 tháng nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông Q, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung, ông bà có 02 con chung là Nguyễn Quang C, sinh ngày 16/9/2007 và Nguyễn Quang T1, sinh ngày 20/01/2010. Do các con có nguyện vọng được sống cùng cha nên bà đồng ý giao 02 con cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/8/2025, bị đơn ông Nguyễn Linh Q trình bày: Ông và bà T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà có phát sinh mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ, không nghiêm trọng đến mức ly hôn. Ông không đồng ý ly hôn do còn thương vợ và mong con cái có đủ cha, mẹ. Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Quang C, sinh ngày 16/9/2007 và Nguyễn Quang T1, sinh ngày 20/01/2010. Do không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến về con chung. Về tài sản chung, nợ chung thì ông không yêu cầu giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 18/7/2025, bà Huỳnh Thị M là chị dâu của bà Lê Thị Thu T trình bày: Cuộc sống vợ chồng giữa bà Lê Thị Thu T và ông Nguyễn Linh Q phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì bà không được rõ, chỉ biết là vợ chồng bà T và ông Q có thường xuyên cãi vã, ông Q cũng có đánh bà T. Bà T đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cách đây khoảng 02 tháng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng bị đơn không tham gia nên không thể tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho bà Lê Thị Thu T ly hôn ông Nguyễn Linh Q. Giao cháu Nguyễn Quang C, sinh ngày 16/9/2007 và Nguyễn Quang T1, sinh ngày 20/01/2010 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng.

Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thu T và ông Nguyễn Linh Q tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 29/12/2006, đăng ký kết hôn số 59, quyển số 01/2006. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà T đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Qua lời khai của nguyên đơn, quá trình xác minh, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ông bà phát sinh là do cả hai tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm, ông Q còn đánh đập bà T nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã. Mặt khác, Tòa án đã thông báo cho ông Q lên Tòa án tham gia hòa giải nhưng ông không tham gia, chứng tỏ ông không có ý định níu kéo cuộc hôn nhân này. Từ những phân tích trên, thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy xử cho bà T ly hôn ông Q là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Quang C, sinh ngày 16/9/2007 và Nguyễn Quang T1, sinh ngày 20/01/2010. Thấy rằng, các con có nguyện vọng được sống cùng với ông Q; bà T cũng đồng ý giao cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[2.3] Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà T là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí DSST về ly hôn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thu T ly hôn ông Nguyễn Linh Q.

- Về con chung: Ông Nguyễn Linh Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con là Nguyễn Quang C, sinh ngày 16/9/2007 và Nguyễn Quang T1, sinh ngày 20/01/2010.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí DSST: Bà Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000285 ngày 11 tháng 7 năm 2025. Bà T đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- UBND xã **Đồng Kho**;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVÀ, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Nghĩa